

NGHIÊN CỨU ĐẶC ĐIỂM TÀI NGUYÊN ĐẤT VÀ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT HUYỆN M'ĐRẮK – TỈNH ĐẮK LẮK

Characteristics of Natural Land Resources and Current Land Use in M'Drak District, Dak Lak Province

Phạm Thế Trinh, Y Ghi Niê

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk

TÓM TẮT

Huyện M'Đrắk nằm về phía Đông của tỉnh Đắk Lắk có diện tích tự nhiên 133.682,0 ha, chiếm 10,18% so với toàn tỉnh Đắk Lắk. Toàn huyện có 11 xã và một thị trấn. Qua nghiên cứu đặc điểm đất đai của huyện M'Đrắk cho thấy đất tốt không nhiều, tầng đất mỏng, chỉ có 8.953 ha đất đỏ bazan chiếm 6,7% diện tích tự nhiên thuộc loại đất tốt có khả năng thích nghi với nhiều loại cây trồng: như cà phê, cao su... Đây cũng là một trong những huyện mà tỷ lệ khai thác đất đai vào sản xuất nông nghiệp vào loại thấp nhất tỉnh Đắk Lắk, chỉ có 25,06% diện tích tự nhiên. Bằng các phương pháp tổng hợp thống kê và phương pháp đánh giá có sự tham gia của người dân. Kết quả chỉ ra toàn huyện M'Đrắk có 6 nhóm đất chính với 9 kiểu sử dụng đất. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu tài nguyên đất đã định hướng việc quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp của huyện M'Đrắk đến năm 2010 và định hướng sử dụng đất trong tương lai một cách có hiệu quả.

Từ khoá: Huyện M'Đrắk, nhóm đất, sử dụng đất, sử dụng đất nông nghiệp.

SUMMARY

M'Drak, a mountainous district located in the east of Dak Lak province has a total land area of 133,682 ha, accounting for 10,18% of Dak Lak provincial land. The district has eleven communes and a town. Study on characteristics of natural land resources showed that M'Drak district has 8,953 ha Ferralsols of good fertility suitable for crop cultivation, including coffee and rubber, accounting for 6.7% of total M'Drak district' natural land. By using statistical analysis and Participatory Rural Appraisal M'Drak district's land could be classified into 6 soil groups with 9 land use types. Based on results of land evaluation, agricultural land use planning up to 2010 and beyond was proposed.

Key words: Agricultural land use, land use, M'Drak district, soil group.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong cấu trúc của một hình thái kinh tế - xã hội, đất là một phần của tự nhiên tham gia vào quá trình sản xuất. Với thành phần, cấu trúc phức tạp của các hợp phần hữu cơ, vô cơ và khả năng hấp thu trao đổi đặc biệt các chất thủy- khí- nhiệt- khoáng của mình, đất đã trở thành một điểm tựa không thể thay thế cho các nền sản xuất nông - lâm nghiệp, là vật mang của đa số các nền công nghiệp, nhà cửa, đường sá, cầu cống... từ đó cho thấy đất là một tư liệu sản xuất vô cùng quý giá.

Huyện M'Đrắk là huyện vùng sâu nằm về phía Đông của tỉnh Đắk Lắk cách trung tâm

thành phố Buôn Ma Thuột 90 km dọc theo quốc lộ 26 đi Nha Trang. Đến đầu năm 2006 (Số liệu thống kê tỉnh Đắk Lắk năm 2005;2006) toàn huyện có 11 xã và 01 thị trấn với tổng diện tích tự nhiên là: 133.628,00 ha, chiếm 10,18% so với diện tích tự nhiên toàn tỉnh Đắk Lắk. Dân số toàn huyện tính đến cuối năm 2006 là 54.777 nhân khẩu. Mật độ dân số bình quân 41 người/km².

Từ khi thành lập huyện đến nay, trên địa bàn huyện đã có những bước phát triển mới, tốc độ tăng trưởng cao, các lĩnh vực xã hội đã được khởi sắc, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện rõ rệt. Những thành tựu trên cần tiếp tục được phát huy trong thời

gian tới; mặt khác hiện nay đang xuất hiện nhiều cơ hội mới, thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn của huyện (UBND huyện M'Đrăk, 2001). Vì vậy, việc triển khai nghiên cứu, đặc điểm tài nguyên đất và hiện trạng sử dụng đất với các ngành trên địa bàn huyện ngày càng được sự quan tâm của các cấp chính quyền, nhằm hạn chế sự thoái hoá, rửa trôi bảo vệ môi trường phát triển bền vững trong huyện.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp điều tra số liệu thứ cấp

Các tư liệu và số liệu có sẵn được thu thập từ các cơ quan ban ngành trong tỉnh và huyện (Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk) và các phòng ban chức năng của huyện. Các số liệu thu thập gồm: Thu thập các loại bản đồ: hiện trạng sử dụng đất, thổ nhưỡng, địa hình, phân vùng sinh thái; số liệu về tài nguyên nước và các loại số liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn huyện. Kế thừa các tài liệu điều tra cơ bản đã có sẵn như kết quả điều tra phân loại đất trên bản đồ tỷ lệ 1/100.000, 1/50.000 năm 1978 và phúc tra lại trên bản đồ tỷ lệ 1/50.000 năm 1995 của Phân viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp miền Trung và kết quả nghiên cứu các phẫu diện điển hình trên địa bàn huyện M'Đrăk từ tháng 11/2005 đến tháng 03/2006.

2.2. Phương pháp điều tra số liệu sơ cấp

Điều tra bổ sung bản đồ đất huyện tỷ lệ 1/50.000, lấy mẫu đất phân tích được thực hiện theo Quy phạm điều tra lập bản đồ đất tỷ lệ lớn (10 TCN 68 - 84).

Phương pháp phân tích đất: Mẫu đất được phân tích một số chỉ tiêu nông hoá (Bảng 1).

Phương pháp điều tra nông thôn có sự tham gia của người dân (Participatory Rural Appraisal-PRA) sử dụng trong điều tra, đánh giá các hệ thống sử dụng đất của huyện.

Phương pháp đánh giá đất đai của FAO, quy trình đánh giá đất đai phục vụ nông

nghiệp (10TCN: 343- 98) sử dụng trong đánh giá mức độ thích hợp của đất đai huyện M'Đrăk với các loại sử dụng đất được lựa chọn.

2.3. Phương pháp tổng hợp

Xử lý và dự báo các số liệu điều tra và kết quả phân tích thực hiện trên Excel 7.0.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Điều kiện tự nhiên của huyện

3.1.1. Vị trí địa lý

Vị trí của huyện nằm về phía Đông của tỉnh Đắk Lắk, trên cao nguyên M'Đrăk nối liền thành phố Buôn Ma Thuột với thành phố Nha Trang tỉnh Khánh Hòa bằng quốc lộ 26. Tọa độ địa lý của huyện nằm trong khoảng từ 12^o27'10" đến 12^o57'50" vĩ độ Bắc và từ 108^o34'40" đến 108^o59'50" kinh Đông. Có ranh giới hành chính tiếp giáp: Bắc và Đông Bắc giáp tỉnh Phú Yên; Đông và Nam giáp tỉnh Khánh Hòa; Tây giáp huyện Krông Bông và huyện Ea Kar (tỉnh Đắk Lắk).

3.1.2. Đặc điểm khí hậu, thủy văn

Huyện M'Đrăk có đặc điểm khí hậu nổi bật và khá đặc trưng so với các vùng khác của tỉnh Đắk Lắk. Mang đặc điểm khí hậu cao nguyên có nhiệt độ cao đều trong năm, lượng mưa trung bình từ 1997 - 2006 trên 1800 mm với hai mùa tương đối rõ nét mưa muộn kéo dài rất đặc thù với các yếu tố sau: nhiệt độ trung bình là 24,2^oC và nhiệt độ bình quân tháng cao nhất 27,3^oC, tháng thấp nhất 20,8^oC, tổng nhiệt độ trong năm 8.600^oC. Ngoài ra trên phạm vi huyện còn 2 hệ thống sông chính nằm trên lưu vực sông Krông Păk (phía Tây Nam - địa phận xã Krông Á và một phần xã Ea Trang) và hệ thống sông Ba và 36 hồ thủy lợi đã được đầu tư xây dựng lấy nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và tạo cảnh quan môi trường. Những hồ này vừa có giá trị về mặt khai thác nguồn nước phục vụ cho sản xuất vừa cung cấp nguồn lợi thủy sản cho nhân dân. Đây là điều kiện rất thuận lợi cho việc hình thành và phát triển một nền nông nghiệp đa dạng trong huyện.

Bảng 1. Chỉ tiêu phân tích và phương pháp phân tích

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích (*)
1	pH _{KCl}	pH – mét
2	Chất hữu cơ	Walkley Black
3	Lân dễ tiêu	Bray I
4	Kali dễ tiêu	Quang kế ngọn lửa
5	Canxi	AAS
6	Magiê	AAS
7	Sắt	AAS
8	Nhôm	Sôcôlốp
9	CEC	Amoni – Axetat (pH=7)
10	TP cơ giới 3 cấp	Pipet

Bảng 2. Phân loại địa hình theo cấp độ dốc và tầng dày

Độ dốc (độ)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Tầng dày (cm)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
0 - 3 ^o	5410,00	4,01	< 30	42.503,00	31,52
3 - 8 ^o	41.155,00	30,52	30 - 50	10.154,00	7,53
8 - 15 ^o	11.382,00	8,44	50 - 70	14.998,00	11,12
15 - 20 ^o	5.070,00	3,76	70 - 100	23.017,00	17,07
20 - 25 ^o	3.488,00	2,59	> 100	42.956,00	32,14
> 25 ^o	67.123,00	50,23			
Tổng cộng	133.628,00	100,00	Tổng cộng	133.628,00	100,00

3.2. Đặc điểm tài nguyên đất đai

3.2.1. Đặc điểm địa hình, địa mạo

Theo kết quả điều tra trên địa bàn huyện, kết hợp đối chiếu bản đồ địa hình tỷ lệ 1/50.000 huyện M'Đrắk (Phân viện Quy hoạch & Thiết kế nông nghiệp miền Trung, 2005) chia làm 3 dạng địa hình chính sau:

** Dạng địa hình núi cao sườn dốc*

Diện tích 81.788 ha, chiếm 61,20% diện tích tự nhiên, dạng địa hình này chạy dài liên tục theo hướng Đông Bắc - Tây Nam, tạo ra khu vực ngăn cách giữa duyên hải và Tây Nguyên, tập trung chủ yếu ở xã Krông Á, Ea Trang, Cư Roá. Độ cao trung bình trên 1.000 m, cao nhất là đỉnh Cư Mu cao 2.021 m.

Thảm thực vật nhiều nơi còn là rừng nguyên thủy, tại khu vực này đã hình thành khu bảo tồn thiên nhiên Chư Hoa rộng 17.360 ha nằm trong địa bàn xã Ea Trang.

** Dạng địa hình đồi đỉnh bằng chia cắt nhẹ*

Diện tích 34.000 ha, chiếm 25,22% diện tích tự nhiên, là địa hình chuyển tiếp giữa địa hình núi cao và địa hình bằng thấp. Đây là dạng địa hình đồi bát úp có đỉnh bằng lượn sóng và chia cắt nhẹ. Đất đai chủ yếu là các loại đất có nguồn gốc đá mẹ, macma axit hoặc đá granít, một số diện tích bazan phân bố ở khu vực xã Ea M'Đoal, Ea Riêng và Ea Mlay. Độ cao trung bình từ 430 - 450 m, thảm phủ còn mỏng chủ yếu là cây trồng, đã được khai thác trồng cây hoa màu lương thực

và chăn thả gia súc, hoặc trồng rừng. Đây là dạng địa hình có khả năng khai thác để sản xuất nông nghiệp.

** Địa hình thấp*

Diện tích 17.840 ha, chiếm 13,58% diện tích tự nhiên, phân bố ven theo các khe suối, hợp thủy, các trục đường quốc lộ, tỉnh lộ và liên tỉnh lộ, địa hình khá bằng phẳng đất đai chủ yếu là các nhóm đất phù sa, đất dốc tụ và đất xám. Độ cao trung bình dưới 425 m, đây là khu vực có khả năng tưới, đã được khai thác trồng lúa nước 1 - 2 vụ khoảng 1.000 ha. Phân bố ở xã Cư M'Ta, Krông Jing, Ea Pil và một phần khu vực thị trấn huyện.

Đất đai của huyện phân bố không đồng đều và có độ dốc cao (Bảng 2). Diện tích có độ dốc trên 25° chiếm 50,68% diện tích tự nhiên và diện tích này phát triển vườn rừng và một số cây lâu năm khác. Diện tích đất có độ dốc dưới 8° chiếm 34,53%, thuận lợi cho các loại cây trồng hàng năm. Đất có độ dốc từ 8 - 25° chiếm 14,79%, phù hợp cho việc phát triển cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả. Trong khi đó, xét theo tầng dày thì diện tích đất có tầng dày nhỏ hơn 50 cm chiếm 39,05% diện tích tự nhiên, tầng dày 50 - 100 cm chiếm 28,19% diện tích tự nhiên và tầng dày trên 100 cm chiếm 32,14% diện tích tự nhiên toàn huyện.

3.2.2 Đặc điểm tài nguyên đất

Trong phạm vi ranh giới huyện có 6 nhóm đất chính với 9 đơn vị phân loại: trong đó có đơn vị đất bazan diện tích 8.953 ha phân bố trên địa bàn các xã Ea M'Đoal, Ea Riêng và Ea Mlay. Phần lớn diện tích đất bazan này đã được khai thác trồng cà phê và các cây trồng khác (Bảng 3).

** Nhóm đất phù sa (P)*

Diện tích 893 ha, chiếm 0,67% quỹ đất, có 1 đơn vị phân loại: đất phù sa ngòi suối (Py) có diện tích 893 ha. Đất có đặc trưng màu nâu xám, cấu trúc khá tốt, tầng đất dày trên 100 cm, thành phần cơ giới từ thịt nhẹ đến trung bình, đất có phản ứng chua $pH_{KCl} = 5 - 5,5$, lân

hữu cơ tầng mặt: 1-3%, đạm tổng số: 0,1-0,17%, nghèo lân: 0,06 - 0,10%. Phân bố tập trung ở xã Ea Trang 482 ha, Cư Roá 137 ha, thị trấn M'Đrăk 96 ha, Krông Jing 73 ha, Cư M'ta 69 ha và Cư Prao 35 ha, diện tích đất này được trồng lúa nước. Kết quả phân tích tính chất lý hoá học của phẫu diện số 2 đất phù sa ngòi suối (Py) điển hình được chỉ rõ trên bảng 4.

** Nhóm đất xám (Xa)*

Diện tích 16.851 ha, chiếm 12,61%, phân bố tập trung tại xã Ea Pil 5816 ha, Cư Prao 4956 ha, Krông Jing 2505 ha, Ea Trang 2427 ha, Ea Lai 873 ha, Cư M'ta 194 ha và nằm rải rác ở xã Ea Riêng, thị trấn. Đất được hình thành trên mẫu chất phù sa cổ sản phẩm phong hóa là đá granit, có 3 đơn vị phân loại: đất xám trên phù sa cổ, đất xám trên granit và đất xám bạc màu. Đất có cấu trúc rời rạc, thành phần cơ giới từ cát pha đến thịt nhẹ, đất chịu ảnh hưởng của quá trình xói mòn rửa trôi, tầng đất mỏng, có phản ứng chua $pH_{KCl} = 4,0 - 4,5$ hàm lượng hữu cơ thấp: 0,02 - 0,03%, đạm tổng số trung bình thấp: 0,01 - 0,05%, lân tổng số nghèo: 0,02 - 0,05%. Tính chất lý hóa học được thể hiện rõ trên một phẫu diện đặc trưng số 10 đất đất xám trên đá granit và đá cát (Xa) điển hình (Bảng 5).

** Nhóm đất đen (Rk)*

Diện tích 147 ha, chiếm 0,11% diện tích tự nhiên, phân bố tại buôn Ba xã Cư Prao. Đất được hình thành trên sản phẩm bồi tụ của đất bazan trên các địa hình thấp và trũng. Đất có tầng dày trên 100 cm, thành phần cơ giới từ thịt trung bình đến thịt nặng, đất ít chua $pH_{KCl} = 5,0 - 5,5$. Giàu chất hữu cơ: 3,0%, đạm: 0,3%, hàm lượng lân trung bình: 0,05 - 0,85%, tầng đất mỏng, diện tích đất này được trồng lúa nước. Kết quả phân tích tính chất lý, hoá học của một phẫu diện đặc trưng số 93 đất đất đen trên sản phẩm bồi tụ của đá bazan (Rk) điển hình (Bảng 6).

Bảng 3. Phân loại đất theo các nhóm huyện M'Đrăk

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Nhóm đất phù sa	P	893,00	0,67
1	Đất phù sa sông suối	Py	893,00	0,67
II	Nhóm đất xám	X	16.851,00	12,61
2	Đất xám trên đá granít	Xa	16.851,00	12,61
III	Nhóm đất đỏ vàng		111.050,00	83,10
3	Đất nâu vàng trên đá bazan	Fu	7.174,00	5,37
4	Đất nâu đỏ trên đá bazan	Fk	1.779,00	1,33
5	Đất đỏ vàng trên đá phiến sét	Fs	48.088,00	35,99
6	Đất đỏ vàng trên đá granít	Fa	54.008,00	40,42
IV	Nhóm đất dốc tụ	D	2022,00	1,51
7	Đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ	D	2022,00	1,51
V	Nhóm đất mùn trên núi cao	H	461,00	0,34
8	Đất mùn vàng đỏ trên đá macma axít	Ha	461,00	0,34
VI	Nhóm đất đen	R	147,00	0,11
9	Đất đen/ sản phẩm bồi tụ của đá bazan	Rk	147,00	0,11
Tổng cộng			131.423,00	
Sông suối và mặt nước chuyên dùng (MNCD)			2205,00	1,65
Tổng diện tích tự nhiên			133.628,00	100,00

Ghi chú: sông suối và MNCD diện tích theo thống kê của ngành Tài nguyên Môi trường.

Bảng 4. Tính chất lý hoá học của phẫu diện số 2

Độ sâu (cm)	pH _{KCl}	OM %	Tổng số (%)			Đề tiêu (mg/100g)		Ca tion trao đổi (đl/100g)			Thành phần cơ giới (%) (cấp hạt tính theo mm)		
			N	P ₂ O ₅	K ₂ O	P ₂ O ₅	K ₂ O	Ca ⁺⁺	Mg ⁺⁺	CEC	2-0,02	0,02-0,002	<0,002
0- 22	5,36	0,81	0,05	0,10	0,78	1,80	7,10	5,2	3,9	14,24	64,62	14,52	20,86
22 - 55	5,27	3,35	0,17	0,07	0,72	3,20	14,80	4,7	2,6	14,02	63,90	16,36	19,74
55- 100	5,18	1,01	0,06	0,06	0,76	4,30	8,20	3,8	1,6	11,10	60,63	18,92	20,45

Bảng 5. Tính chất lý hoá học của phẫu diện số 10

Độ sâu (cm)	pH _{KCl}	OM %	Tổng số (%)			Đề tiêu (mg/100g)		Ca tion trao đổi (đl/100g)			Thành phần cơ giới (%) (cấp hạt tính theo mm)		
			N	P ₂ O ₅	K ₂ O	P ₂ O ₅	K ₂ O	Ca ⁺⁺	Mg ⁺⁺	CEC	2-0,02	0,02-0,002	<0,002
0- 30	5,36	1,22	0,08	0,028	0,09	4,90	8,90	2,7	0,5	8,17	82,71	3,54	13,75
30 - 50	5,63	0,46	0,03	0,024	0,08	5,50	7,40	1,3	0,3	2,64	72,94	3,33	23,73
50- 100	5,64	0,25	0,02	0,025	0,06	4,60	5,20	1,9	1,3	4,93	74,10	2,89	23,01

Bảng 6. Tính chất lý hoá học của phẫu diện số 93

Độ sâu (cm)	pH _{KCl}	OM %	Tổng số (%)			Đề tiêu (mg/100g)		Cation trao đổi (đl/100g)			Thành phần cơ giới (%) (cấp hạt tính theo mm)		
			N	P ₂ O ₅	K ₂ O	P ₂ O ₅	K ₂ O	Ca ⁺⁺	Mg ⁺⁺	CEC	2-0,02	0,02-0,002	<0,002
0- 15	5,25	3,71	0,25	0,069	0,82	9,70	14,3	1,6	0,3	6,01	52,23	14,55	33,22
15-40	5,29	2,01	0,16	0,051	0,88	6,60	9,30	2,6	0,6	7,33	32,43	16,1	51,47
40-70	5,20	1,35	0,08	0,047	0,56	8,20	5,60	2,4	0,8	4,02	26,64	17,4	55,96
70- 100	5,20	1,33	0,07	0,032	0,72	3,90	5,20	2,4	0,7	4,02	31,16	14,5	54,34

Bảng 7. Tính chất lý hoá học của phẫu diện số 83

Độ sâu (cm)	pH _{KCl}	OM %	Tổng số (%)			Đề tiêu (mg/100g)		Cation trao đổi (đl/100g)			Thành phần cơ giới (%) (cấp hạt tính theo mm)		
			N	P ₂ O ₅	K ₂ O	P ₂ O ₅	K ₂ O	Ca ⁺⁺	Mg ⁺⁺	CEC	2-0,02	0,02-0,002	<0,002
0- 20	4,35	1,49	0,98	0,980	0,73	3,40	5,20	2,4	0,8	8,43	55,64	23,14	21,22
20-70	4,50	1,01	0,07	0,780	1,12	4,90	7,20	2,4	0,2	7,86	63,84	13,04	23,12
70- 110	4,33	0,56	0,04	0,044	1,13	3,90	5,30	1,9	0,5	6,32	56,52	18,6	24,88

Bảng 8. Tính chất lý hoá học của phẫu diện số 83

Độ sâu (cm)	pH _{KCl}	OM %	Tổng số (%)			Đề tiêu (mg/100g)		Cation trao đổi (đl/100g)			Thành phần cơ giới (%) (cấp hạt tính theo mm)		
			N	P ₂ O ₅	K ₂ O	P ₂ O ₅	K ₂ O	Ca ⁺⁺	Mg ⁺⁺	CEC	2-0,02	0,02-0,002	<0,002
0- 25	5,25	0,71	0,056	0,029	0,32	2,70	4,30	1,60	0,3	6,01	72,23	15,44	13,22
25-50	5,29	1,01	0,067	0,051	0,38	6,60	6,30	2,60	0,6	7,33	72,44	16,10	11,12
50-80	5,20	0,35	0,017	0,027	0,26	3,20	5,60	2,40	0,8	4,02	80,64	7,40	11,96
80- 100	5,20	0,33	0,013	0,022	0,20	3,00	5,20	2,40	0,7	4,02	79,16	8,50	13,34

* Nhóm đất đỏ vàng (F) có 4 phân loại đất chính (Fu, Fk, Fs, Fa)

Diện tích lớn nhất trong các nhóm đất của huyện 110.993 ha, chiếm 82,32% diện tích tự nhiên, phân bố trên diện rộng tập trung khu vực thuộc các xã Ea M'Đoal, Ea Riêng, Ea Mlay và phía Đông Nam huyện. Do nguồn gốc đá mẹ phát sinh, nên có các đơn vị phân loại: Đất đỏ vàng phát triển trên đá bazan diện tích 8953 ha, phân bố tập trung tại các xã: Ea M'Đoal, Ea Riêng, Ea Mlay, Buôn Pa (Cư Pao) và một phần ở các xã Krông Jing, Ea Trang. Đất có tầng dày trên 70 cm, thành phần cơ giới thịt nặng, kết

cấu viên cục độ xốp cao thấm nước và thoát nước tốt, phản ứng chua pH_{KCl} = 4 - 4,5, chất hữu cơ: 3 - 3,5%, giàu đạm: 0,3%, lân trung bình: 0,08 - 0,15%. Hầu hết diện tích đã được khai phá trồng cà phê và cây ăn quả.

Trong nhóm đất này còn có các đơn vị phân loại: đất đỏ vàng trên đá phiến sét, đất đỏ vàng biến đổi do trồng lúa và đất vàng đỏ trên đá granít. Các đơn vị phân loại đất này có diện tích 28.933 ha, phân bố tập trung, hàm lượng hữu cơ trung bình: 1,5%, đạm trung bình: 0,1- 0,15%. Tính chất lý, hoá học của một phẫu diện đặc trưng số 83 đất đất đỏ vàng trên đá phiến sét (Fs) điển hình

(Bảng 7) và một phần diện đặc trưng số 48 đất đất đỏ vàng trên đá macma axit và đá cát (Fa) điển hình (Bảng 8). Đất thích hợp với các cây ngắn ngày và đồng cỏ chăn nuôi bò. Nếu có nguồn nước tưới thì vẫn có khả năng trồng cây dài ngày.

** Nhóm đất mùn trên núi cao (Ha)*

Diện tích 461 ha, chiếm 0,34% diện tích đất tự nhiên. Tầng dày mỏng nhỏ hơn 30 cm, độ dốc cao từ trên 25⁰ tập trung chủ yếu ở xã Ea Trang và xã Cư Roá.

** Nhóm đất dốc tụ thung lũng (D)*

Diện tích 2022 ha, chiếm 1,51%, tầng dày chủ yếu trên 100 cm. Phân bố rải rác các xã Ea Riêng, Ea Lai, Ea Trang. Thành phần cơ giới thịt nhẹ đến thịt trung bình, mùn, đạm tổng số giàu 2,5 - 2,7% OM và 0,18 - 0,22% N; lân và kali tổng số trung bình thấp 0,05 - 0,06% P₂O₅ và 0,4 - 0,05 K₂O, đất chua pH_{KCl} = 4,7 - 5,0. Hầu hết diện tích đất đã được sử dụng trồng lúa nước và hoa màu các loại.

3.2.3. Đánh giá chung

Đất của huyện M'Đrăk, đất tốt không nhiều, tầng đất mỏng, chỉ có 8.953 ha đất đỏ Bazan chiếm 6,70% diện tích tự nhiên thuộc

loại đất tốt có khả năng thích nghi với các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao như: cà phê, chè, cao su và cây ăn quả...còn lại phần lớn là các đơn vị đất đai có nguồn gốc từ đá granit và đá phiến sét, tầng đất mỏng, dinh dưỡng đất nghèo và tầng dày hạn chế chỉ có khả năng khai thác để sản xuất các cây ngắn ngày và cây hoa màu lương thực. Đây là một trong những huyện mà tỷ lệ khai thác đất đai vào sản xuất nông nghiệp vào loại thấp nhất tỉnh Đắk Lắk, chỉ có 25,06% so với diện tích tự nhiên.

3.3. Hiện trạng sử dụng đất của huyện

Theo số liệu thống kê tình hình sử dụng đất năm 2006 (UBND huyện M'Đrăk – 2006), diện tích tự nhiên (DTTN) 133682,0 ha, trong đó đất sản xuất nông nghiệp 24.682,3 ha, chiếm 18,5% DTTN, đất lâm nghiệp 71.047,3 ha chiếm 53,2% DTTN và chiếm 10,37% diện tích đất có rừng của toàn tỉnh; đất phi nông nghiệp 7238,7 ha chiếm 5,5% DTTN; đất chưa sử dụng 30512,6 ha chiếm 22,8% DTTN và chiếm 22,55% diện tích đất chưa sử dụng toàn tỉnh chi tiết xem trong Bảng 9.

Bảng 9. Hiện trạng sử dụng các loại đất phân theo đơn vị hành chính năm 2006

Đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên			Đất sản xuất nông nghiệp		Đất phi nông nghiệp		Đất lâm nghiệp		Đất chưa sử dụng	
	DT (ha)	DT (ha)	% so DTTN	DT (ha)	% so DTTN	DT (ha)	% so DTTN	DT (ha)	% so DTTN	DT (ha)	% so DTTN
Toàn huyện	133628,0	24682,3	18,5	71047,2	53,2	7283,7	5,5	30512,6	22,8		
1. C Roá	20895,0	1425,3	6,8	16093,5	77,0	737,7	3,5	2604,5	12,5		
2. C M'Ta	5212,0	1248,8	24,0	2599,8	49,9	296,6	5,7	1063,0	20,4		
3. C Prao	12248,0	3037,1	24,8	3492,0	28,5	361,4	3,0	5356,7	43,7		
4. Ea HM'Lay	5158,0	1774,6	34,4	2097,9	40,7	244,1	4,7	1029,1	20,0		
5. Ea Lai	7077,0	1944,6	27,5	1693,9	23,9	176,6	2,5	3250,1	45,9		
6. Ea MĐoal	8142,0	2390,0	29,4	3462,0	42,5	405,9	5,0	1883,9	23,1		
7. Ea Pil	8238,0	4060,4	49,3	157,6	1,9	1482,3	18,0	2515,2	30,5		
8. Ea Riêng	3445,0	2351,2	68,2	6,7	0,2	399,0	11,6	680,1	19,7		
9. Ea Trang	46950,0	2532,1	5,4	35048,9	74,7	691,9	1,5	8675,8	18,5		
10. Krông Á	8199,0	1294,5	15,8	4431,1	54,0	737,0	9,0	1735,3	21,2		
11. Krông Jing	7452,0	2339,7	31,4	1923,2	25,8	1619,1	21,7	1568,7	21,1		
12. Thị Trấn	612,0	284,2	46,4	40,6	6,6	132,1	21,6	150,2	24,5		

3.3.1. Hiện trạng sử dụng nhóm đất nông nghiệp

a/ Đất sản xuất nông nghiệp

Đặc điểm nổi bật của ngành nông nghiệp huyện M'Đrắk là diện tích đất nông nghiệp ngày càng tăng và hình thành được các vùng chuyên canh ổn định, đặc biệt là diện tích cà phê, hoa màu. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp năm 2006 toàn huyện 24682,3 ha, trong đó đối tượng sử dụng trên địa bàn toàn huyện chủ yếu là các hộ gia đình, cá nhân với diện tích 19383,22 ha, chiếm 78,53% diện tích đất sản xuất nông nghiệp và các tổ chức kinh tế sử dụng 2967,87 ha chiếm 12,02%. Bình quân đất đất sản xuất nông nghiệp trên đầu người toàn huyện 0,42 ha/người và toàn tỉnh là 0,27 ha. So với các huyện khác trong tỉnh thì bình quân đất sản xuất nông nghiệp trên đầu người của huyện cao hơn, tuy nhiên đất nông nghiệp phân bố không đều giữa các hộ gia đình, đặc biệt là giữa người kinh và đồng bào dân tộc thiểu số.

b/ Đất lâm nghiệp

Diện tích 71.047,3 ha, chiếm 53,2% DTTN, trong đó hộ gia đình cá nhân sử dụng 101,02 ha, chiếm 0,14%; tổ chức kinh tế sử dụng 20427,42 ha, chiếm 28,82%; tổ chức khác sử dụng 41556,28 ha, chiếm 58,49%; Cộng đồng dân cư quản lý 24,02 ha, chiếm 0,03% và UBND các xã quản lý 8893,59 ha, chiếm 12,52%, được phân ra các loại hiện trạng sau:

- Rừng tự nhiên có diện tích 58969,15 ha, chiếm 83% diện tích đất lâm nghiệp, trong đó rừng tự nhiên sản xuất 12805 ha và rừng tự nhiên phòng hộ 46164,15 ha.

- Rừng trồng có diện tích 7251,04 ha chiếm 10,21% diện tích đất lâm nghiệp. Trong đó rừng trồng sản xuất 4601,89 ha, rừng trồng phòng hộ 2649,15 ha.

- Đất khoanh nuôi phục hồi 4827,14 ha chiếm 6,79% so với diện tích đất lâm nghiệp và chỉ có khoanh nuôi rừng đặc dụng.

Với ưu thế mà thiên nhiên mang lại, đặc biệt là tài nguyên rừng cũng như sự phong phú và đa dạng về thành phần và chủng loại động thực vật hiện có trên địa bàn huyện. Vì vậy, cần cân nhắc và khai thác một cách hợp lý để nâng cao mức độ hữu ích của rừng vào phát triển kinh tế, nhất là trong phát triển công nghiệp và ngành nghề góp phần thu hút lao động và giải quyết công ăn, việc làm tại chỗ.

3.3.2. Hiện trạng sử dụng nhóm đất phi nông nghiệp

Nhóm đất phi nông nghiệp có diện tích 7283,7 ha, chiếm 5,45% diện tích tự nhiên, thấp hơn mức bình quân chung của tỉnh 6,98%. Trong đó hộ gia đình cá nhân sử dụng 413,74 ha, chiếm 5,68%; UBND cấp xã sử dụng 86,2 ha, chiếm 1,18%; tổ chức kinh tế 639,65 ha, chiếm 8,78%, tổ chức khác sử dụng 3715,31 ha, chiếm 51,01%; UBND các xã được giao quản lý 2172,69 ha, chiếm 29,83% và các tổ chức khác được giao quản lý 256,10 ha, chiếm 3,52%.

a/ **Đất ở** chiếm tỷ lệ nhỏ 0,34% so với diện tích tự nhiên và chiếm 6,25% diện tích đất phi nông nghiệp, mức bình quân đầu người đất ở của huyện 77,37 m²/người so với toàn tỉnh 75,61 m²/người.

b/ **Đất chuyên dùng:** diện tích 4690,35 ha, chiếm 64,40% diện tích đất phi nông nghiệp. Trong đó đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp 19,71 ha, chiếm 0,27% so với đất phi nông nghiệp; đất an ninh quốc phòng có 3226,35 ha, chiếm 44,30%; đất sản xuất kinh doanh 49,65 ha, chiếm 0,68% và đất có mục đích công cộng 1394,54 ha, chiếm 19,15%.

c/ **Đất phi nông nghiệp khác:** Đất dành cho hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng; đất nghĩa trang, nghĩa địa và đất có sông suối và mặt nước chuyên dùng. Diện tích 2137,86 ha, chiếm 29,35% so với diện tích đất phi nông nghiệp, trong đó đất có mặt nước chuyên dùng và sông suối chiếm 96,93%.

3.3.3. Hiện trạng đất chưa sử dụng

Toàn huyện có diện tích 30.512,61 ha, chiếm 22,83% tổng diện tích tự nhiên và 22,55% đất chưa sử dụng toàn tỉnh, phân bố rải rác trên tất cả các xã. Trong tổng số 30.512,61 ha diện tích đất chưa sử dụng thì thuộc các tổ chức kinh tế 11019,82 ha, chiếm 36%, diện tích đất chưa sử dụng và phần còn lại UBND các xã được phân quản lý 19.492,79 ha, chiếm 63,88% diện tích đất chưa sử dụng. Với quỹ đất đồi núi chưa sử dụng còn tương đối nhiều nên việc phát triển lâm nghiệp trên đất chưa sử dụng trên địa bàn huyện cần được quan tâm hơn, vì hầu hết diện tích đất chưa sử dụng đều nằm trên độ dốc lớn ở vùng sâu, vùng xã, giao thông đi lại rất khó khăn.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Qua kết quả điều tra đặc điểm tài nguyên đất đai và sử dụng công nghệ phần mềm GIS chồng xếp các bản đồ đơn tính, đã xác định trên phạm vi huyện M'Đrắk có 6 nhóm đất chính với 9 đơn vị phân loại: trong đó có đơn vị đất bazan diện tích 8.953 ha phân bố trên địa bàn các xã Ea M'Đoal, Ea Riêng và Ea Mlay. Phần lớn diện tích đất bazan này đã được người dân khai thác trồng các cây công nghiệp lâu năm. Các kết quả nghiên cứu đặc điểm tài nguyên đất đai này sẽ là cơ sở khoa học giúp cho huyện trong việc khai thác sử dụng hợp lý đất đai cho phát

triển các ngành trong hiện tại và tương lai.

Hiện trạng sử dụng đất cho các ngành trên địa bàn toàn huyện chiếm 77,17% diện tích đất tự nhiên, trong đó sử dụng vào mục đích đất sản xuất nông nghiệp chiếm 18,47%. Trong thời gian tới, UBND huyện cần có kế hoạch điều tra, khảo sát lại diện tích đất lâm nghiệp và tiến hành làm các thủ tục giao đất lâm nghiệp và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình nhận khoán, tạo điều kiện để họ có thu nhập thêm từ nghề rừng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Nông nghiệp & PTNT (1984). Quy phạm điều tra lập bản đồ đất tỷ lệ lớn. Tiêu chuẩn ngành 10 TCN 68-84, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
- Bộ Nông nghiệp & PTNT (1999). Quy trình đánh giá đất đai phục vụ nông nghiệp. Tiêu chuẩn ngành 10 TCN 343 - 98, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
- Cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk (2005). Niên giám Thống kê năm 2005 và 2006.
- UBND huyện M'Đrắk (2001). Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội huyện M'Đrắk giai đoạn 2001 - 2010, Báo cáo, M'Đrắk.
- Phân viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp miền Trung (2005). Thuyết minh bản đồ đất tỉnh Đắk Lắk, Báo cáo, Nha Trang.
- UBND huyện M'Đrắk (2006). Kết quả thống kê đất đai năm 2006, Báo cáo, M'Đrắk.

